TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1245/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2017
V/v tranh chấp : " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Khưu Thị Ngọc Bích
2/ Ông Nguyễn Văn Tiệp
Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nữ
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 851/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 10 năm 2017 về " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Bà Lại Thị B. – sinh năm 1987
- Bị đơn : Ông Nguyễn Xuân B2. – sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Số A, đường B, phường C, quận Tân Phú, Tp.HCM

(Bà B., ông B2. có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 08 năm 2017, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Lại Thị B. và bị đơn ông Nguyễn Xuân B2. cùng trình bày: Ông bà chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P., huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

* Về mâu thuẫn gia đình :

- Bà Lại Thị B. trình bày : Mâu thuẫn xuất phát từ việc chồng bà là ông Nguyễn Xuân B2. ít kỷ, sống luôn tính toán với vợ con, không tôn trọng gia đình bên vợ nên giữa vợ chồng thường xuyên cãi vả. Ông B2. là người vũ phu, đánh đập bà khi nóng giận và khi giữa vợ chồng xảy ra xô xát. Bà và ông B2. đã ly thân với nhau hơn một tháng nay, mặc dù ở chung nhà nhưng không

quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng ông B2. nên bà yêu cầu được ly hôn

- Ông Nguyễn Xuân B2. trình bày : Giữa vợ chồng ông thường xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc bà B. không hiểu, không thông cảm với công việc của ông. Ông làm công việc lập trình về điện, thời gian đi làm từ 08 giờ sáng đến 18 giờ. Gia đình vợ không tôn trọng ông, có hành động xúc phạm đến ông cùng gia đình ông. Ông nhận thấy mặc dù hiện nay ông đang sống cùng bà B. tại địa chỉ Số A, đường B, phường C, quận Tân Phú nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẽ với nhau trong cuộc sống. Ông có đánh vợ nhưng do bà B. nhục mạ đến ông cùng gia đình ông. Ông cùng gia đình là người theo đạo Thiên Chúa nên không thể ly hôn mặc dù ông không còn tình cảm với vợ. Bên cạnh đó, ông rất thương con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn.

* Về con chung : Ông Nguyễn Xuân B2. và bà lại Thị B. cùng xác nhận có chung một người con tên Nguyễn Quang T. – sinh ngày 25/03/2015.

- Bà Lại Thị B. trình bày : Bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông B2. cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/ tháng cho đến khi trẻ trưởng thành. Do ông B2. đi làm có mức thu nhập cao và có mở công ty riêng nên theo bà B. yêu cầu mức cấp dưỡng này là thỏa đáng.

Bà làm kế toán tại công ty TNHH V. tại quận Tân Phú, thu nhập hằng tháng của bà khoàng 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Xuân B2. trình bày : ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì ông cho rằng bà B. không quan tâm đến con, ông nghĩ rằng ông là người có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con tốt hơn . Ông làm nghề lập trình điện và đi làm thêm tự do bên ngoài, thu nhập hằng tháng khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Nếu ông là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông yêu cầu bà B. giành thời gian cho con những ngày cuối tuần để con không cảm thấy thiệt thòi hơn.

* Về tài sản chung, nợ chung : Ông Nguyễn Xuân B2. và bà Lại Thị B. cùng xác nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Nguyễn Xuân B2. và bà Lại Thị B. vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến :

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 220 và Điều 239 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ , xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 14 tháng 08 năm 2017 bà Lại Thị B. nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân B2., vì vậy đây là vụ án hôn nhân gia đình. Hiện nay ông Nguyễn Xuân B2. và bà Lại Thị B. xác nhận đang cư ngụ tại địa chỉ Số A, đường B, phường C, quận Tân Phú, Tp.HCM. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28,đkhoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 02/2014, quyển số 01/2013 ngày 03/01/2014 của UBND xã P., huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thì ông Nguyễn Xuân B2. và bà Lại Thị B. đủ độ tuổi kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Về mâu thuẫn gia đình: Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "…Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được…" .

Ông Nguyễn Xuân B2. và bà Lại Thị B. cùng xác nhận giữa vợ chồng ông bà có mâu thuẫn, không có sự quan tâm, thông cảm trong cuộc sống hôn nhân dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai, ông bà đã ly thân hơn một tháng nay mặc dù chung sống cùng nhà. Hội đồng xét xử đã cố hàn gắng cho ông B2. và B. nhưng vẫn không thành vì mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lại Thị B..

* Về con chung : Ông Nguyễn Xuân B2. và bà Lại Thị B. cùng xác nhận có chung một người con tên Nguyễn Quang T. – sinh ngày 25/03/2015.

Xét giấy khai sinh số 110/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã P., huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp thì có căn cứ chứng minh trẻ

Nguyễn Quang T. – sinh ngày 25/03/2015 là con chung của ông Nguyễn Xuân B2. và bà Lại Thị B.. Mặc dù ông B2. bà B. cùng trình bày ông bà có thu nhập khá tốt để có thể đảm bảo cuộc sống vật chất cho con chung khi trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tính tới ngày xét xử thì trẻ Nguyễn Quang T. khoảng 33 tháng tuổi, độ tuổi còn rất nhỏ nên cần phải có người mẹ bên cạnh để chăm sóc, nâng đỡ trẻ. Bên cạnh đó, do đặc thù công việc ông B2. phải đi làm từ lúc 08 giờ sáng đến 18 giờ chiều và làm thêm tự do bên ngoài nên rất khó để trực tiếp chăm lo cho con nhỏ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : "… Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi …". Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Quang T. – sinh ngày 25/03/2015 cho bà Lại Thị B. trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung : Ông Nguyễn Xuân B2. trình bày ông làm nghề lập trình điện và làm thêm tự do bên ngoài, thu nhập hằng tháng khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Bà Lại Thị B. yêu cầu ông B2. cấp dưỡng nuôi con một tháng là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy với yêu cầu cấp dưỡng trên là hợp lý, phù hợp với thu nhập hàng tháng của ông B2. và ông B2. đủ khả năng để cấp dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về tài sản chung, nợ chung : Ông B2. và bà B. xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lại Thị B. phải nộp theo quy định của pháp luật.

Phí cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Xuân B2. phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sư năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử : Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lại Thị B. được ly hôn với ông Nguyễn Xuân B2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2014, quyển số 01/2013 ngày 03/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã P., huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quang T. – sinh ngày 25/03/2015 cho bà Lại Thị B. trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Xuân B2. cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Bắt đầu

thực hiện từ khi án có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Việc cấp dưỡng nuôi con đượcc thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng, nếu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không thi hành, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Xuân B2. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Lại Thị B. cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc ông Nguyễn Xuân B2. thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Vì cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/Về tài sản chung và nợ chung: Ông B2. và bà B. xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Lại Thị B. chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà B. đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0009770 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà B. đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Xuân B2. phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo : Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hiển